

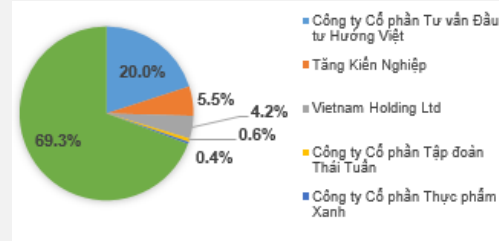
MUA [+14%]

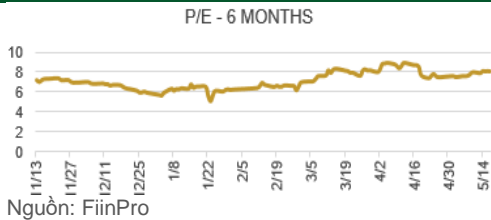
Ngày cập nhật: 04/06/2019

 Giá mục tiêu 27,398 VNĐ
 Giá hiện tại 24,000 VNĐ

Bùi Thị Thùy Dương
 (+84-28) 5413 5472 – duongbui@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

 CP đang lưu hành (triệu) 70.7
 Free-float (triệu) 35.4
 Vốn hóa (tỷ đồng) 1,669
 KLGD TB 3 tháng 134,906
 Sở hữu nước ngoài 7.85%
 Ngày niêm yết đầu tiên 30/9/2015

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Chỉ số tài chính	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F	2020F	2021F	2022F	2023F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	1,458	1,035	1,358	1,989	2,408	2,660	3,274	3,969	4,608	5,459
LNST (tỷ VND)	106	71	29	100	178	211	268	319	371	442
EPS (VND)	2,508	1,533	534	1,662	2,976	2,980	3,790	4,513	5,245	6,247
% tăng EPS	-	-39%	-65%	211%	79%	0%	27%	19%	16%	19%
BV (VND)	15,951	14,823	12,989	12,991	15,167	15,841	17,423	19,730	22,061	23,981
P/E	-	13.5	24.1	9.5	6.0	9.2	-	-	-	-
P/B	-	1.4	1.0	1.2	1.2	1.7	-	-	-	-
Cổ tức (VND)	11%	14%	4%	3%	8%	15%	-	-	-	-

Nguồn: PHS Research

Phát triển bền vững với sản phẩm xanh
Cập nhật KQKD 2019Q1 và dự báo năm 2019:

Kết thúc Q1/2019, STK ghi nhận doanh thu tương đương với cùng kỳ năm 2018 với giá trị đạt 605 tỷ (+3%yoy). Tuy nhiên, biên lợi nhuận cải thiện lên mức 14% (Q1/2018: 13%) cùng với chi phí vận hành giảm gần 22% so với cùng kỳ năm trước đã hỗ trợ LNST tăng trưởng dương 29%, tương ứng với giá trị đạt 52 tỷ đồng. Năm 2019, sợi tái chế tiếp tục là động lực chính với kỳ vọng đơn hàng sợi tái chế gia tăng, nâng tỷ trọng sợi tái chế trên tổng doanh thu lên 20%, từ đó ước tính doanh thu 2019 của STK đạt 2,660 tỷ đồng (+10%) và LNST đạt 211 tỷ (+18%), với giả định biên lợi nhuận tương đương với đối tác Unifi ở phân khúc sợi cao cấp (PVA) là 14.5%.

Động lực tăng trưởng:

(1) Lợi thế về cơ cấu thị trường và lợi thế dẫn đầu: STK là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu Việt Nam trong sản xuất sợi polyester. Cơ cấu thị trường với 49% doanh thu từ nội địa và 51% xuất khẩu hỗ trợ STK giảm rủi ro bảo hộ mậu dịch từ các nước. Đồng thời, đón nhận tác động tích cực từ các hiệp định thương mại và sự dịch chuyển đơn hàng do cuộc chiến thương mại.

(2) Cải thiện biên lợi nhuận gộp nhờ các sản phẩm sợi có tính năng đặc biệt (sợi Recycle, sợi màu): Sợi Recycle đang là xu hướng tiêu thụ khi nhiều doanh nghiệp đang chuyển hướng sang sử dụng sản phẩm xanh. Ngoài ra, sợi Recycle và sợi màu có biên lợi nhuận cao hơn so với sợi thường, kỳ vọng sẽ hỗ trợ cải thiện biên lãi gộp.

(3) Dự kiến nâng công suất lên gấp đôi trong năm 2020 nhờ dự án Polymerization với mục tiêu sản xuất hạt PET chip, giảm phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu, đồng thời mở rộng thêm thị phần tại thị trường trung cấp, đáp ứng nhu cầu gia tăng tại thị trường nội địa sau yêu cầu về xuất xứ từ CPTPP.

Rủi ro: (1) Lo ngại nhu cầu tiêu thụ toàn cầu giảm do chiến tranh thương mại: Giá sợi có xu hướng giảm dần từ tháng 4/2018 trở lại đây do nhu cầu suy yếu và tồn kho sợi có xu hướng tăng. Tuy nhiên, STK gần 50% doanh thu đến từ thị trường nội địa nên việc giá sợi giảm có thể hỗ trợ cải thiện biên lợi nhuận gộp.

(2) Rủi ro từ truy xuất nguồn gốc: STK đang có kế hoạch mở rộng thị trường xuất khẩu sang Mỹ và Canada trong khi nguyên liệu nhập khẩu nhiều từ Trung Quốc, vì vậy không loại trừ khả năng Mỹ sẽ truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong bối cảnh quan hệ Mỹ - Trung trở nên căng thẳng.

Định giá:

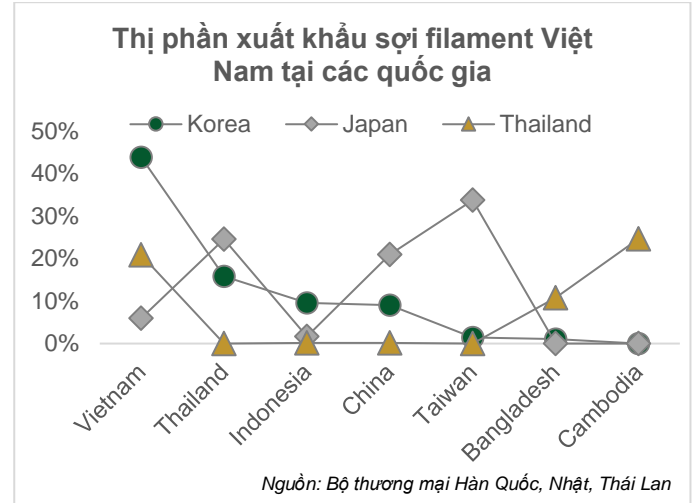
Bằng phương pháp định giá DCF và P/E, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý cho cổ phiếu STK sẽ vào khoảng **27,398 đồng/ cổ phiếu**, từ đó đưa ra khuyến nghị **MUA** cho cổ phiếu này.

Tổng quan ngành sợi Polyester Việt Nam

Sợi Polyester Filament chiếm hơn 51% tổng sản lượng tiêu thụ sợi trên thế giới nhờ ưu thế về giá và nguồn cung ổn định.

Tiêu thụ sợi Polyester Việt Nam chủ yếu là xuất khẩu, chỉ 18% là tiêu dùng nội địa. Trong đó, sợi Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất và dẫn đầu thị phần tại Hàn Quốc (chiếm 23% tổng giá trị xuất khẩu). Bên cạnh đó, Thái Lan (18%) và Nhật (13%) cũng là các thị trường chủ lực.

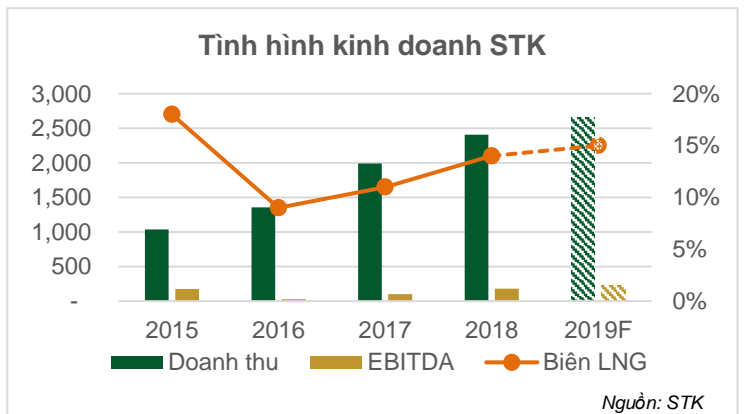
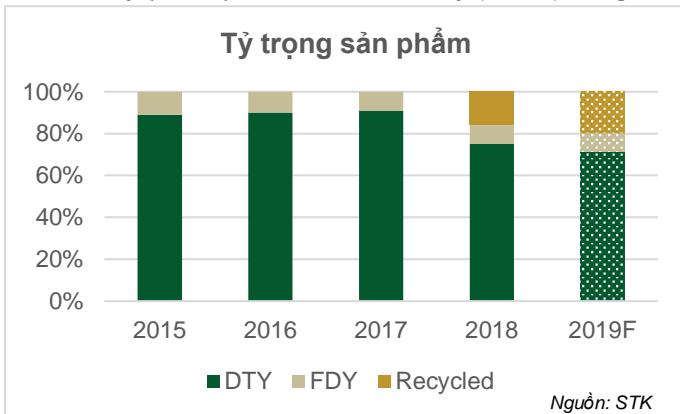
STK là doanh nghiệp lớn thứ 2 Việt Nam về sản xuất sợi tổng hợp polyester filament, chỉ đứng sau doanh nghiệp FDI Formosa Hưng Nghiệp (Đài Loan). Trong đó 49% doanh thu STK từ thị trường nội địa và các thị trường xuất khẩu chính là Nhật (18%), Thái Lan (16%) và Đài Loan (8%).



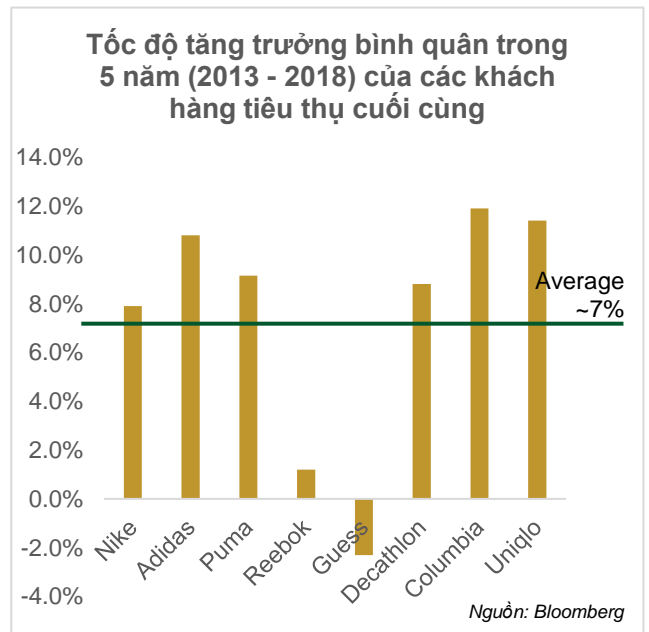
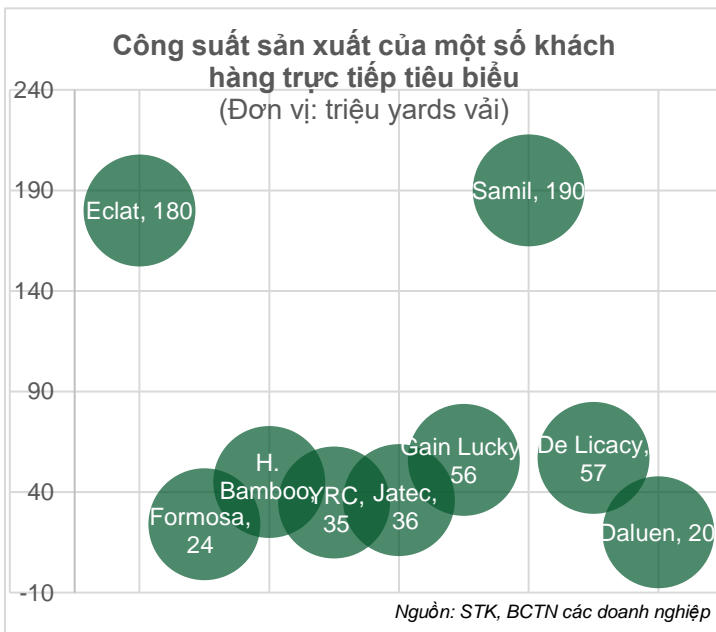
Tổng quan doanh nghiệp

Tình hình kinh doanh: Giai đoạn 2015 – 2018, STK duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân trong doanh thu và LNST lần lượt là 32% và 36%/ năm. Sau khó khăn trong năm 2016 do chi phí tăng trong khi tiêu thụ giảm khiến biên lợi nhuận giảm mạnh về 9%, giai đoạn 2017 – 2018, biên lợi nhuận liên tục hồi phục và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong năm 2019 nhờ khai thác nhóm sản phẩm sợi đặc biệt có biên lợi nhuận cao.

Trong Q1/2019, công ty ghi nhận doanh thu đạt 605 tỷ (+3%) và LNST đạt 52 tỷ (+30%). Dự báo cả năm, doanh thu STK đạt 2,660 tỷ (+10%) và LNST đạt 224 tỷ (+26%) với giả định biên lợi nhuận ở mức 15%.



Các khách hàng tiêu biểu của STK



Các khách hàng chính của STK chủ yếu là các doanh nghiệp FDI sản xuất vải và hàng may mặc, chuyên phục vụ các thương hiệu đồ thể thao lớn như Nike, Adidas, Puma,... Giai đoạn 2013 – 2018, tốc độ tăng trưởng của thị trường thời trang thể thao đạt 7.4%, cao hơn thị trường may mặc chung (bình quân 3%, theo STK). Dự báo trong thời gian tới, thị trường thời trang thể thao duy trì tốc độ tăng 6-7%/ năm, từ đó nhu cầu tiêu thụ sợi cũng sẽ gia tăng.

Các dự án mới

Với nhu cầu gia tăng, năm 2018, STK hoàn thành dự án nâng công suất nhà máy Trảng Bàng giai đoạn 5, nâng tổng công suất lên 63,300 tấn sợi/ năm. Năm 2019, công ty dự kiến nâng tỷ trọng sợi Recycle lên 20-26%, đồng thời, mở rộng quy mô sản xuất với dự án sợi màu nhằm tiết giảm khâu nhuộm; xây dựng liên minh Sợi – Dệt – Nhuộm với mục tiêu xuất khẩu tại chỗ cho 2 doanh nghiệp FDI thành viên; xây dựng dự án Polymerization sản xuất hạt chip và sợi ở phân khúc trung cấp.

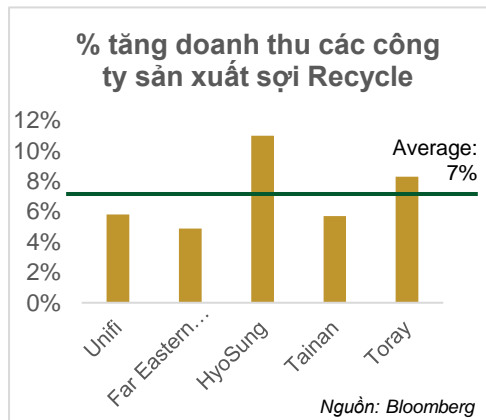
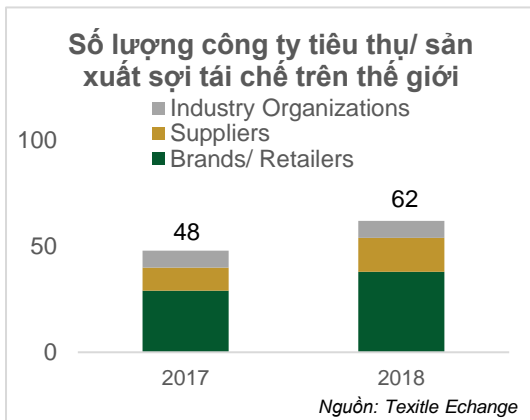
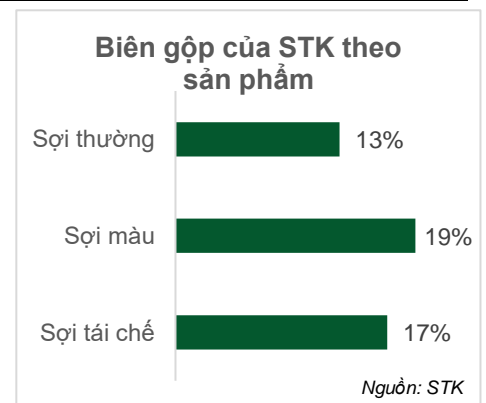
Công suất STK	2018	2019F	2020F
Nhà máy Củ Chi	63,300 tấn sợi		
Nhà máy Trảng Bàng	1,500 tấn Recycled chip		
Dự án sợi màu		4,000 tấn	
Liên minh Sợi – Dệt – Nhuộm			20,000 tấn
Dự án Polymerization			35,500 tấn chip 71 tấn sợi

Tiềm năng sợi đặc biệt

STK xác định mục tiêu phát triển bền vững với các sản phẩm bảo vệ môi trường.

Sợi tái chế hiện đang gia tăng thị phần (~14% năm 2017) và dự kiến sẽ trở thành xu hướng trong các năm tiếp theo khi nhiều nhãn hàng thời trang thể thao/ doanh nghiệp đã cam kết sử dụng sợi Recycle. Bên cạnh đó, sản phẩm sợi màu với mục tiêu cắt giảm khâu nhuộm cũng kỳ vọng sẽ hỗ trợ cải thiện biên lợi nhuận STK khi giá bán sợi màu thường cao hơn khoảng 10% nên biên gộp sợi màu sẽ cao hơn khoảng 5 – 6%.

Dự kiến năm 2019, doanh thu đến từ sợi màu sẽ khoảng 2 triệu USD và tỷ trọng doanh thu sợi Recycle sẽ nâng lên khoảng 20 – 26%.

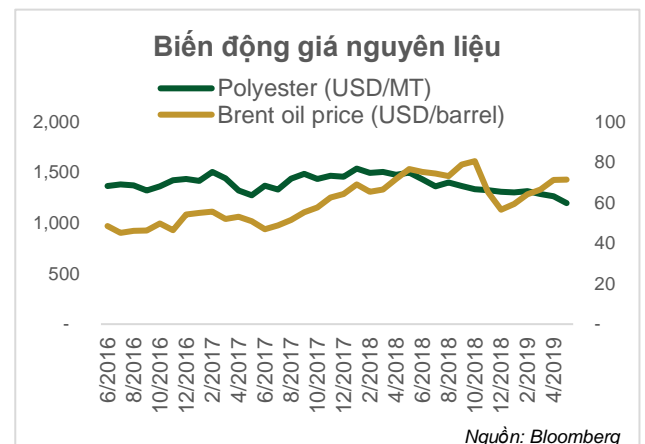


Rủi ro

Biến động giá nguyên vật liệu: Giá sợi có xu hướng giảm kể từ tháng 4/2018 chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ sợi toàn cầu có sự suy giảm. Tuy nhiên, giá dầu tăng trong thời gian gần đây nhiều khả năng sẽ kích hoạt sự hồi phục của giá polyester.

Rủi ro từ truy xuất nguồn gốc: STK kế hoạch sẽ mở rộng thị trường xuất khẩu sang Mỹ và Canada. Trong khi nguyên vật liệu sản xuất sợi của STK chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc vì vậy có rủi ro nếu phía Mỹ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu sản phẩm.

Rủi ro bảo hộ mậu dịch từ các nước: Trong 10 năm kể từ năm 2008, sợi là mặt hàng bị kiện nhiều thứ 2, chỉ sau thép với 11 vụ kiện. Trong đó, năm 2016, Thổ Nhĩ Kỳ cũng đã áp thuế chống bán phá giá đối với sợi tổng hợp Việt Nam. Năm 2017, Mỹ cũng đã điều tra chống bán phá giá sợi polyester nhưng đã chấm dứt.



Quan điểm đầu tư

STK đang cho thấy tham vọng trở thành doanh nghiệp sản xuất sợi tổng hợp lớn nhất Việt Nam khi liên tục đầu tư xây dựng mới và phát triển các dự án sợi tái chế, sợi màu, sợi chập hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Vì vậy chúng tôi đánh giá cao về tiềm năng tăng trưởng trong trung và dài hạn của STK khi xu hướng sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường đang lên ngôi. Trong ngắn hạn, STK cũng sẽ là doanh nghiệp được hưởng lợi trực tiếp từ các Hiệp định thương mại tự do.

Với quan điểm thận trọng, chúng tôi ước tính doanh thu 2019 của công ty đạt 2,660 tỷ đồng (+10%), giả định doanh thu từ sợi DTY và FDY giữ mức tăng 6% và doanh thu từ sợi tái chế tăng 30%. Biên lợi nhuận kỳ vọng đạt 15% nhờ tập trung khai thác nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng cao, từ đó ước tính LNST đạt 211 tỷ (+18%).

Bằng phương pháp DCF và P/E, mức giá mục tiêu của cổ phiếu STK vào khoảng **27,398 đồng/ cổ phiếu**, tương ứng với mức tăng 14%. Do đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **MUA** dành cho cổ phiếu này.

Phương pháp DCF (tỷ trọng 70%)

Chỉ tiêu (triệu đồng)	2019F	2020F	2020F	2022F	2023F
LN từ HĐKD	210,738	268,024	319,192	370,981	441,860
Lãi vay sau thuế	16,875	15,460	14,042	10,774	9,964
Khấu hao	138,317	147,873	139,757	133,851	141,213
Đầu tư XD/CB	172,907	123,054	198,398	234,365	251,932
Thay đổi vốn lưu động	150,424	114,107	209,018	149,915	184,859
FCFF	42,599	194,195	65,576	131,326	156,247
Giá trị hiện tại (WACC 8%)	39,447	166,521	52,070	96,563	106,387
Giá trị cuối cùng (g~2%)	1,948,794				
Giá trị doanh nghiệp	2,409,784				
Nợ	746,866				
Tiền mặt	157,017				
Giá trị vốn hóa	1,819,935				
Số lượng cổ phần	70,726,944				
Giá hợp lý	25,732				

Phương pháp P/E (tỷ trọng 30%)

	P/B	P/E
Sợi thế kỷ	1.7	9.0
Unifi	0.9	27.4
Tainan Spinning	0.8	21.0
Aksa Akrilik Kimya Sanayii	1.0	6.6
Hung Chou Fiber	1.4	7.2
Daehan Synthetic Fiber	0.3	3.0
HyoSung	0.6	2.2
Toray	1.7	15.0
Trung bình ngành	1.1	11.4

Nguồn: Bloomberg

EPS	2,980
P/E trung bình ngành	11
Giá hợp lý	31,286

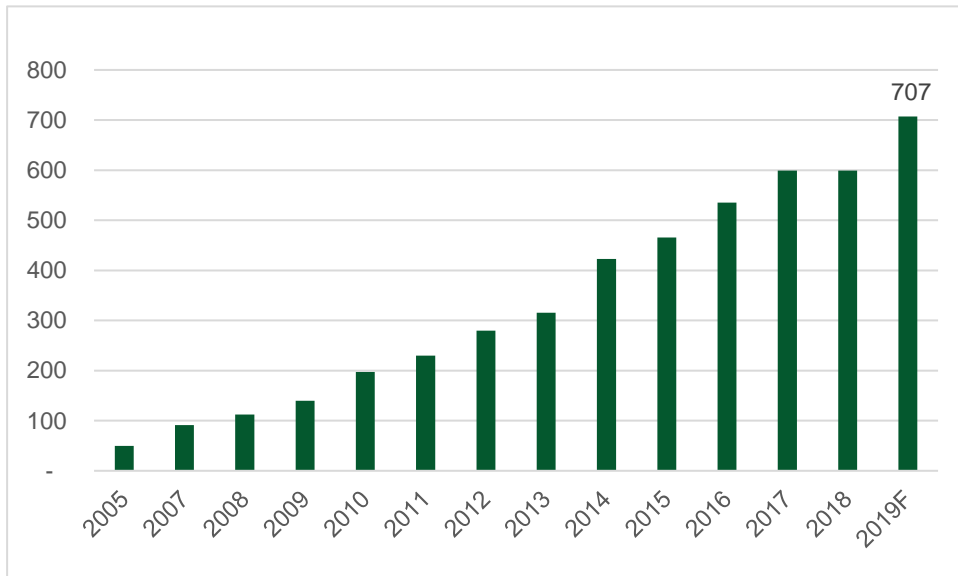
Sơ lược công ty

Khởi đầu là công ty TNHH được thành lập năm 2000, Sợi Thế Kỳ chuyên sản xuất sợi tổng hợp DTY từ nguyên liệu sợi POY nhập khẩu. Doanh nghiệp này bắt đầu chuyển sang hình thức công ty cổ phần năm 2005 nhằm huy động vốn cho nhu cầu phát triển. Ngày 30/09/2015 chính thức niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu STK.



STK là một trong những doanh nghiệp sợi lớn nhất ở Việt Nam, quy mô 60 ngàn tấn sợi/ năm. Chiến lược phát triển tập trung vào các loại sợi cao cấp, đặc biệt các loại sợi thân thiện với môi trường, có biên gộp cao như sợi tái chế, sợi màu. Sau sự kiện bị áp thuế phá giá từ Thổ Nhĩ Kỳ, STK chuyển chiến lược tập trung nhiều hơn vào thị trường châu Á và thị trường nội địa. Kế hoạch năm 2018 thị trường nội địa sẽ đóng góp chính (63%) vào tổng doanh thu của doanh nghiệp. Về sản phẩm, sợi tái chế (dùng các chai nhựa đã sử dụng để tái chế nguyên liệu hạt chip dùng sản xuất sợi) là điểm nhấn của STK nhờ biên gộp cao (20%), sức cầu lớn từ thị trường và nguồn cung hạn chế. Mục tiêu năm 2020 nâng tỷ trọng sợi tái chế lên 30% tổng doanh thu.

Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



Nguồn: STK và PHS tổng hợp

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Doanh thu thuần	1,458	1,035	1,358	1,989	2,408	2,660
Giá vốn hàng bán	(1,245)	(848)	(1,230)	(1,772)	(2,073)	(2,274)
Lợi nhuận gộp	213	187	129	217	335	386
Chi phí bán hàng	(32)	(24)	(25)	(32)	(34)	(43)
Chi phí QLDN	(35)	(38)	(45)	(59)	(56)	(76)
Lợi nhuận từ HĐKD	135	86	29	104	202	222
Lợi nhuận tài chính	(10)	(39)	(29)	(22)	(42)	(44)
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>(8)</i>	<i>(5)</i>	<i>(16)</i>	<i>(27)</i>	<i>(29)</i>	<i>(21)</i>
Lợi nhuận trước thuế	136	87	31	105	199	222
Lợi nhuận sau thuế	106	71	29	100	178	211
LNST của cổ đông Công ty mẹ	106	71	29	100	178	211
Cân đối kế toán	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Tài Sản Ngắn Hạn	463	467	594	613	804	989
Tiền và tương đương tiền	148	7	87	117	153	186
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	45	40
Phải thu ngắn hạn	112	74	85	63	65	109
Hàng tồn kho	184	356	402	399	510	614
Tài sản ngắn hạn khác	20	30	20	34	31	40
Tài Sản Dài Hạn	782	1,252	1,431	1,365	1,315	1,386
Phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	499	607	1,350	1,208	1,179	1,126
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	245	563	1	2	2	89
Đầu tư tài chính dài hạn	-	40	40	27	2	39
Tài sản dài hạn khác	37	42	40	129	133	132
Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng tài sản	1,245	1,719	2,025	1,979	2,119	2,375
Nợ phải trả	570	1,029	1,329	1,200	1,210	1,254
Nợ ngắn hạn	208	401	678	732	862	881
Nợ dài hạn	363	628	652	468	348	373
Vốn chủ sở hữu	675	690	695	779	909	1,120
Vốn điều lệ	423	465	535	599	599	707
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	1,245	1,719	2,025	1,979	2,119	2,375

Lưu chuyển tiền tệ	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	172	(95)	202	306	248	231
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(112)	(539)	(296)	(27)	(113)	(173)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	13	492	174	(249)	(99)	(25)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	72	(142)	81	30	36	33
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	76	148	7	87	117	153
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	148	7	87	117	153	186
Chỉ số tài chính (%)	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Tăng trưởng						
Doanh thu		-29%	31%	46%	21%	10%
Lợi nhuận sau thuế		-33%	-60%	248%	79%	18%
Tổng tài sản		38%	18%	-2%	7%	12%
Tổng vốn chủ sở hữu		2%	1%	12%	17%	23%
Khả năng sinh lời						
Tỷ suất lãi gộp	15%	18%	9%	11%	14%	15%
Tỷ suất EBIT	10%	9%	3%	7%	9%	9%
Tỷ suất EBITDA	15%	17%	13%	14%	15%	14%
Tỷ suất lãi ròng	7%	7%	2%	5%	7%	8%
ROA	9%	4%	1%	5%	8%	9%
ROE	16%	10%	4%	13%	20%	19%
Hiệu quả hoạt động						
Vòng quay khoản phải thu	13.0	14.0	16.0	31.6	36.8	24.4
Vòng quay hàng tồn kho	6.8	2.4	3.1	4.4	4.1	3.7
Vòng quay khoản phải trả	10.2	5.9	5.4	6.5	7.3	6.2
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	2.23	1.16	0.88	0.84	0.93	1.12
Tỷ suất thanh toán nhanh	1.35	0.28	0.28	0.29	0.34	0.43
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	46%	60%	66%	61%	57%	53%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	84%	149%	191%	154%	133%	112%
Vay ngắn hạn/VCSH	31%	58%	97%	94%	95%	79%
Vay dài hạn/VCSH	54%	91%	94%	60%	38%	33%

Nguồn: PHS

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7,

Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính,

Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình,

Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801